

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1478 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 09 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính (chuẩn hóa)
lĩnh vực Tư pháp trên địa bàn thành phố Hải Phòng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 562/TTr-STP ngày 22/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa lĩnh vực Tư pháp còn hiệu lực trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tư pháp tổ chức xây dựng, hoàn thiện các quy trình nội bộ thực hiện các thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các PCVP UBND TP;
- Các Phòng: KSTTHC, NC&KTGS;
- Lưu: VT, KSTTHC.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tùng

(Kèm theo Quyết định số 1478 /QĐ-UBND ngày 09 / 5 /2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND THÀNH PHỐ (23 TTHC)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND THÀNH PHỐ (25 TTHC)										
TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp			Căn cứ pháp lý
			Sở Tư pháp	UBND thành phố			Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
Lĩnh vực Công chứng (05 TTHC)										
1.	1.001877	Thành lập Văn phòng công chứng		20 ngày	UBND thành phố	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Công chứng năm 2014; Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ; Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
2.	1.001688	Hợp nhất Văn phòng công chứng	20 ngày	15 ngày	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
3.	1.001665	Sáp nhập Văn phòng công chứng	20 ngày	15 ngày	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
4.	1.001647	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng	20 ngày	15 ngày	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
5.	1.003118	Thành lập Hội công chứng viên	30 ngày	15 ngày	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
Lĩnh vực Thừa phát lại (04 TTHC)										

6.	1.008929	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại	20 ngày	20 ngày	Sở Tư pháp	1.000.000đ		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ; Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ Tư pháp; Thông tư số 223/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.
7.	1.008932	Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	15 ngày	15 ngày	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ; Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ Tư pháp
8.	1.008934	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	15 ngày	15 ngày	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
9.	1.008936	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	15 ngày	15 ngày	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
Lĩnh vực Giám định tư pháp (06 TTHC)										
10.	1.001122	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp	10 ngày	20 ngày	Sở Tư pháp	Không quy định		Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Giám định tư pháp năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp năm 2020; Thông tư số 11/2020/TT-BTP ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
11.	2.000894	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp		10 ngày	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
12.	1.009832	Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp	10 ngày	10 ngày	Sở Tư pháp	Không quy định		Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp năm 2020; Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ; Thông tư số 11/2020/TT-BTP ngày

										31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
13.	2.000890	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp	30 ngày	15 ngày	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Giám định tư pháp năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp năm 2020; Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ; Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ
14.	2.000568	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp	30 ngày	15 ngày	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
15.	1.001216	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp	07 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
Lĩnh vực Quốc tịch (03 TTHC)										
16.	2.002039	Nhập quốc tịch Việt Nam	105 ngày làm việc)	10 ngày làm việc	Sở Tư pháp	3.000.000 đồng (Miễn lệ phí đối với: Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam; Người không quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn).		Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020; Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 09/04/2020
17.	2.002038	Trở lại quốc tịch	80 ngày	05 ngày	Sở	2.500.000		Toàn	Nộp hồ sơ	

		Việt Nam ở trong nước	làm việc	làm việc	Tư pháp	đồng (Miễn lệ phí đối với: Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam; Người mất quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn).		trình	và trả kết quả	
18.	2.002036	Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	70 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp	2.500.000 đồng		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
Lĩnh vực Nuôi con nuôi (05 TTHC)										
19.	1.003976	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng	295 ngày làm việc	15 ngày	Sở Tư pháp	- Lệ phí: 9.000.000 đồng/trường hợp Trường hợp nhận hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột làm con nuôi thì từ trẻ em thứ hai trở đi được giảm 50% mức lệ phí đăng ký		Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Nuôi con nuôi; Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011; Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019; Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8/7/2016; Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020; Thông tư liên tịch số 146/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 07/9/2012; Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21/11/2011; Thông tư số

						nuôi con nuôi nước ngoài. - Chi phí: 50.000.000 đồng/trường hợp Trường hợp nhận trẻ em bị khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo thì được miễn nộp chi phí.				267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
20.	1.004878	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dưỡng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi	95 ngày làm việc	15 ngày làm việc	Sở Tư pháp	- Áp dụng mức giảm 50% lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài: 4.500.000đ/ trường hợp nhận 01 trẻ em làm con nuôi. - Trường hợp đồng thời nhận hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột làm con nuôi: được lựa chọn áp dụng mức giảm lệ phí	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Nuôi con nuôi; Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011; Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019; Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020; Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 08/7/2016; Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016	

						như trên hoặc áp dụng mức giảm 50% lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài từ trẻ em thứ hai trở đi được nhận làm con nuôi.				
21.	1.003179	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
22.	1.003160	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	55 ngày làm việc	15 ngày làm việc	Sở Tư pháp	4.500.000 đồng/trường hợp		Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
23.	2.002349	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	Không quy định	Không quy định	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Nuôi con nuôi; Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011; Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020.

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP (90 TTHC)

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp			Căn cứ pháp lý
						Trực	Dịch vụ	Dịch vụ	

						tiếp	công trực tuyến	bưu chính công ích	
Lĩnh vực Luật sư (14 TTHC)									
1.	1.002010	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	10 ngày làm việc	Sở Tư pháp	50.000 đồng/hồ sơ		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Luật sư ngày 29/6/2006; Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ; Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
2.	1.002055	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp	50.000 đồng/hồ sơ		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
3.	1.002079	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp	50.000 đồng/hồ sơ		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
4.	1.002099	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	50.000 đồng/hồ sơ		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
5.	1.002032	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	10 ngày làm việc	Sở Tư pháp	50.000 đồng/hồ sơ		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Luật sư ngày 29/6/2006; Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
6.	1.002153	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Luật sư ngày 29/6/2006; Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư

									pháp.
7.	1.002181	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	10 ngày làm việc	Sở Tư pháp	2.000.000 đồng/hồ sơ		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Luật sư ngày 29/6/2006; Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp.
8.	1.002198	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp	1.000.000 đồng/hồ sơ		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Luật sư ngày 29/6/2006; Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ; Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp.
9.	1.002218	Hợp nhất công ty luật	10 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ; Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp
10.	1.002234	Sáp nhập công ty luật	10 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
11.	1.008709	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
12.	1.002398	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	50.000 đồng/hồ sơ		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ; Thông tư số

		công ty luật nước ngoài							47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
13.	1.002384	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	600.000 đồng/hồ sơ		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ; Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp; Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
14.	1.002368	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	10 ngày làm việc	Sở Tư pháp	2.000.000 đồng/hồ sơ		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Luật sư ngày 29/6/2006; Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp; Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
Lĩnh vực Công chứng (15 TTHC)									
15.	1.001071	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Công chứng năm 2014; Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023
16.	1.001446	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
17.	1.001125	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Công chứng năm 2014; Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023

		nghe công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương							
18.	1.001153	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	- Đối với trường hợp người tập sự thay đổi nơi tập sự sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác: thời hạn 05 ngày làm việc. - Đối với trường hợp đăng ký tập sự sau khi thay đổi nơi đã đăng ký tập sự: trong thời hạn 07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
19.	1.001438	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Công chứng năm 2014; Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023.
20.	1.001721	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	15 ngày làm việc	Sở Tư pháp	3.500.000 đồng		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Công chứng năm 2014; Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023; Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
21.	1.001799	Cấp lại thẻ công chứng viên	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp	100.000 đồng		Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
22.	1.001756	Đăng ký hành nghề và cấp thẻ công chứng viên	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	100.000 đồng		Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Công chứng năm 2014; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính
23.	2.000789	Đăng ký hoạt	10 ngày làm việc	Sở Tư	1.000.000			Nộp hồ sơ	

		động Văn phòng công chứng		pháp	đồng		Toàn trình	và trả kết quả	phủ; Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;
24.	2.000778	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	-500.000 đồng/hồ sơ đổi với trường hợp cấp lại Giấy đăng ký hoạt động khi thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, Trưởng Văn phòng công chứng - Không thu phí đổi với trường hợp ghi nhận nội dung thay đổi đăng ký hoạt động khi thay đổi công chứng viên hợp danh hoặc công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng		Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
25.	2.002387	Xóa đăng ký hành nghề và thu hồi thẻ công chứng viên trong trường hợp công chứng viên không còn hành nghề tại tổ chức hành nghề	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Công chứng năm 2014; Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021.

		công chứng							
26.	2.000766	Đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng hợp nhất	10 ngày làm việc	Sở Tư pháp	1.000.000 đồng		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Công chứng năm 2014; Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ; Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021; Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
27.	2.000758	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	500.000 đồng		Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
28.	2.000743	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận chuyển nhượng	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	500.000 đồng		Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
29.	1.012019	Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng	10 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Công chứng số năm 2014; Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng.
Lĩnh vực Tư vấn pháp luật (06 TTHC)									
30.	1.000627	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ; Nghị định số 05/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của Chính phủ; Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010 của Bộ Tư pháp; Thông tư số 19/2011/TT-BTP ngày 31/10/2011 của Bộ Tư
31.	1.000614	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
32.	1.000426	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	

									pháp
33.	1.000588	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ; Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010 của Bộ Tư pháp; Thông tư số 19/2011/TT-BTP ngày 31/10/2011 của Bộ Tư pháp.
34.	1.000404	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ; Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010 của Bộ Tư pháp.
35.	1.000390	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010 của Bộ Tư pháp.
Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý (08 TTHC)									
36.	2.000970	Lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	- 10 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ, Tổ đánh giá tổ chức phải hoàn thành việc đánh giá. Trường hợp cần thiết, có thể kéo dài nhưng không quá 03 ngày làm việc. - Sở Tư pháp có trách nhiệm thông báo kết quả lựa chọn đến các tổ chức đã nộp hồ	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 25/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

			sơ. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông báo, tổ chức được lựa chọn có trách nhiệm ký hợp đồng với Sở Tư pháp, trừ trường hợp có lý do chính đáng thì có thể kéo dài nhưng không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo						
37.	2.000954	Cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
38.	2.000840	Chấm dứt đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	03 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
39.	2.000587	Cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; Nghị định 144/2017/NĐ-Cp ngày 15/12/2017 của Chính phủ; Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 25/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
40.	2.000518	Cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
41.	2.000596	Đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	07 ngày	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
42.	1.001233	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	

		tham gia trợ giúp pháp lý						quả	
43.	2.000592	Giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý	15 ngày	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
Lĩnh vực Giám định tư pháp (03 TTHC)									
44.	2.000823	Đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp	30 ngày	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Giám định tư pháp năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp năm 2020; Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ; Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ
45.	2.000555	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của Văn phòng giám định tư pháp	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
46.	1.001117	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
Lĩnh vực Đấu giá tài sản (07 TTHC)									
47.	2.001815	Cấp Thẻ đấu giá viên	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Đấu giá tài sản; Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ; Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày
48.	2.001807	Cấp lại Thẻ đấu giá viên	03 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	

									16/5/2017 của Bộ Tư pháp.
49.	2.001395	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	10 ngày làm việc	Sở Tư pháp	1.000.000 đồng		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Đấu giá tài sản. Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ; Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ Tư pháp; Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017 của Bộ Tài chính.
50.	2.001333	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp	500.000 đồng		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
51.	2.001258	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	500.000 đồng		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
52.	2.002139	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá tài sản	10 ngày	Sở Tư pháp	2.700.000 đồng		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
53.	2.001247	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Đấu giá tài sản; Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ; Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ Tư pháp.
Lĩnh vực Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản (05 TTHC)									
54.	1.002626	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	500.000 đồng		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Phá sản năm 2014; Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/2/2015 của Chính phủ; Thông tư số 224/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính
55.	1.001842	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	500.000 đồng		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	

		nghiệp quản lý, thanh lý tài sản							
56.	1.008727	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Phá sản năm 2014; Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/2/2015 của Chính phủ
57.	1.001633	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của quản tài viên	03 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
58.	1.001600	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	03 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
Lĩnh vực Thừa phát lại (09 TTHC)									
59.	1.008925	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ; Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ Tư pháp
60.	1.008926	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
61.	1.008927	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại	10 ngày	Sở Tư pháp	Không quy định		Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
62.	1.008928	Cấp lại Thẻ Thừa phát lại	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
63.	1.008930	Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	10 ngày	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
64.	1.008931	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt	- 03 ngày làm việc đối với	Sở Tư pháp	Không quy định		Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết	

		động của Văn phòng Thừa phát lại	trường hợp thay đổi Trưởng Văn phòng; - 07 ngày làm việc đối với các trường hợp thay đổi khác.					quả	
65.	1.008933	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
66.	1.008935	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
67.	1.008937	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
Lĩnh vực Trọng tài thương mại (06 TTHC)									
68.	1.008889	Đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt	15 ngày	Sở Tư pháp	1.500.000 đồng		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Trọng tài thương mại năm 2010; Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ; Nghị định số 124/2018/NĐ-CP ngày 19/9/2018 của Chính phủ; Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 07/11/2012 của Bộ Tư

		trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác							pháp; Thông tư số 222/2016/TT-BTP ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.
69.	1.008890	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	10 ngày làm việc	Sở Tư pháp	1.000.000 đồng		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
70.	1.008904	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	15 ngày làm việc	Sở Tư pháp	- 500.000 đồng đối với thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; - 3.000.000 đồng đối với thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Trung tâm trọng tài nước ngoài tại Việt Nam		Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
71.	1.008905	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	500.000 đồng		Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết	
									Luật Trọng tài thương mại năm 2010; Nghị định

		động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương						quả	số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ; Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 07/11/2012 của Bộ Tư pháp; Thông tư số 222/2016/TT-BTP ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.
72.	1.008906	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh thành phố trực thuộc trung ương khác	10 ngày làm việc	Sở Tư pháp	5.000.000 đồng		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Trọng tài thương mại năm 2010; Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ; Nghị định số 124/2018/NĐ-CP ngày 19/9/2018 của Chính phủ; Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 07/11/2012 của Bộ Tư pháp; Thông tư số 222/2016/TT-BTP ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.
73.	1.001248	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp	- Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài: 1.500.000 đồng - Giấy đăng ký hoạt động		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Trọng tài thương mại năm 2010; Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ; Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 07/11/2012 của Bộ Tư pháp; Thông tư số

		Việt Nam			của chi nhánh Trung tâm trọng tài: 1.000.000 đồng - Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam: 5.000.000 đồng				222/2016/TT-BTP ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.
Lĩnh vực Hoà giải thương mại (09 TTHC)									
74.	1.009284	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ; Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
75.	1.008913	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc trung	15 ngày	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ; Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp

		ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác							
76.	2.001716	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	10 ngày	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
77.	2.002047	Thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ
78.	1.008914	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ; Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
79.	2.000515	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
80.	1.009283	Chấm dứt hoạt động của chi	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết	

		nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài						quả	
81.	1.008915	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi địa chỉ	10 ngày	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	

		trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác							
82.	1.008916	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ.
Lĩnh vực Quốc tịch (02 TTHC)									
83.	2.001895	Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	05 ngày	Sở Tư pháp	100.000 đồng (miễn phí đối với: người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận là người gốc Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là thành viên; kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020; Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 09/04/2020.

85.	2.002193	Xác định cơ quan giải quyết bồi thường	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định	Trực tiếp	Không thực hiện DVC trực tuyến	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017; Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018
	2.002191	Phục hồi danh dự (Thủ tục đã thống kê trong danh mục TTHC thuộc thẩm quyền UBND TP)	15 ngày	Sở Tư pháp (trong trường hợp Sở Tư pháp là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại)	Không quy định	Trực tiếp	Không thực hiện DVC trực tuyến	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước năm 2017; Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018
	2.002192	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (Thủ tục đã thống kê trong danh mục TTHC thuộc thẩm quyền UBND TP)	49-94 ngày	Sở Tư pháp (trong trường hợp Sở Tư pháp là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại)	Không quy định	Trực tiếp	Không thực hiện DVC trực tuyến	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
Lĩnh vực Lý lịch tư pháp (03 TTHC)									
86.	2.000488	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam,	10 ngày làm việc. Trường hợp người được yêu	Sở Tư pháp	- Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp:		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Lý lịch tư pháp; Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú

		người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày.		200.000 đồng/lần/người - Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của sinh viên, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ (gồm cha đẻ, mẹ đẻ, vợ (hoặc chồng), con (con đẻ, con nuôi), người có công nuôi dưỡng liệt sỹ): 100.000 đồng/lần/người - Miễn phí cung cấp thông tin LLTP cho trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, người cư trú tại các xã đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật. - Trường hợp				của người nước ngoài tại Việt Nam; Luật Căn cước công dân năm 2014; Luật Cư trú năm 2020; Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010; Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011; Thông tư liên tịch số 04/2012/TT-LT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/5/2012; Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11/11/2013; Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
--	--	---	--	--	---	--	--	--	---

					đề nghị cấp trên 2 Phiếu trong một lần yêu cầu, thì kể từ phiếu thứ 3 trở thu thêm 5.000đ/ phiếu -Trường hợp người yêu cầu đề nghị cấp 02 loại Phiếu (Phiếu lý lịch tư pháp số 01 và số 02) trong 01 hồ sơ thì cũng thực hiện mức thu như trên)				
87.	2001417	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam).	10 ngày làm việc. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày.	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	

88.	2000505	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam).	10 ngày làm việc. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày.	Sở Tư pháp	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
Lĩnh vực Hộ tịch (02 TTHC)									
89.	2.002516	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	03 ngày (Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc)	Sở Tư pháp	8.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật). Miễn lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết

									số 13/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023
90.	2.000635	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Sở Tư pháp	8.000 đồng		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021.

III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CƠ QUAN KHÁC (10 TTHC)

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp			Căn cứ pháp lý
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
Lĩnh vực Chứng thực (01 TTHC)									
91.	2.000908	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong	Cơ quan quản lý sổ gốc tại UBND thành	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; Thông tư số 01/2020/TT – BTP ngày 03/03/2020.

			ngày làm việc tiếp theo	phổ và các cơ quan, đơn vị tương đương					
Lĩnh vực Bồi thường nhà nước (02 TTHC)									
92.	2.002191	Phục hồi danh dự (cấp tỉnh)	15 ngày	Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	Không quy định	x	Không thực hiện DVC trực tuyến	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước năm 2017; Nghị định 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; Thông tư 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018
93.	2.002192	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp tỉnh)	49-94 ngày	Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	Không quy định	x	Không thực hiện DVC trực tuyến	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý (04 TTHC)									
94.	2.001680	Rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý	Ngay sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; Thông tư số

				nước, Chi nhánh của Trung tâm/tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý					09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022.
95.	2.000829	Yêu cầu trợ giúp pháp lý	Ngay sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, người tiếp nhận yêu cầu phải kiểm tra các nội dung có liên quan đến yêu cầu trợ giúp pháp lý và trả lời ngay cho người yêu cầu về việc hồ sơ đủ điều kiện để thụ lý hoặc phải bổ sung giấy tờ, tài liệu liên quan	Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước, Chi nhánh của Trung tâm/tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017; Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; Thông tư số 12/2018/TT- BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; Thông tư số 09/2022/TT- BTP ngày 30/12/2022.
	2.000592	Giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý (<i>Thủ tục đã thống kê trong danh mục TTHC thuộc thẩm quyền Sở Tư pháp</i>)	03 ngày làm việc	Người đứng đầu tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
96.	2.001687	Thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	03 ngày làm việc	Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; Thông tư số

				nước, Chi nhánh của Trung tâm/tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý					09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022.
97.	2.000977	Lựa chọn, ký hợp đồng với luật sư	- 10 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ, Tổ đánh giá luật sư phải hoàn thành việc đánh giá. Trường hợp cần thiết, có thể kéo dài thời gian đánh giá nhưng không quá 03 ngày làm việc. - Trung tâm Trợ giúp pháp lý có trách nhiệm thông báo kết quả lựa chọn đến các luật sư đã nộp hồ sơ. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông báo, luật sư được lựa chọn có trách nhiệm ký hợp đồng với Trung tâm, trừ trường hợp có lý do chính đáng thì có thể kéo dài nhưng không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo	Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước	Không quy định		Một phần	Nộp hồ sơ	Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; Thông tư số 03/2021/TT- BTP ngày 25/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp

Lĩnh vực Chứng thực (03 TTHC)

98.	2.000815	Thủ tục Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	Trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người	Tổ chức hành nghề công chứng	2.000 đồng/trang đối với trang thứ nhất, trang thứ hai; từ trang thứ ba trở lên thu 1.000 đồng/trang nhưng mức thu tối đa không quá 200.000 đồng/bản	Trực tiếp	Không thực hiện DVC trực tuyến	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020; Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016; Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
-----	----------	---	--	------------------------------	--	-----------	--------------------------------	--------------------------	---

			tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.						
99.	2.000843	Thủ tục Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa	Tổ chức hành nghề công chứng	2.000 đồng/trang đối với trang thứ nhất, trang thứ hai; từ trang thứ ba trở lên thu 1.000 đồng/trang nhưng mức thu tối đa không quá 200.000 đồng/bản.	Trực tiếp	Không thực hiện DVC trực tuyến	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020; Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016; Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.

			thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.						
100.	2.000884	Thủ tục Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Tổ chức hành nghề công chứng	10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được hiểu là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản).	Trực tiếp	Không thực hiện DVC trực tuyến	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020; Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016; Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (27 TTHC)

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp			Căn cứ pháp lý
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
Lĩnh vực Hộ tịch (15 TTHC)									
1.	2.000528	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; hồ sơ nhận sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	UBND cấp huyện	75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)		Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018.
2.	2.000806	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	15 ngày	UBND cấp huyện	1.500.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)		Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
3.	1.001766	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Ngay trong ngày, hồ sơ nhận sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày)	UBND cấp huyện	75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công mạng; người thuộc hộ		Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	

					nghèo; người khuyết tật)				
4.	2.000779	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	15 ngày	UBND cấp huyện	1.500.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)		Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018
5.	1.001695	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	15 ngày	UBND cấp huyện	- Nhận cha, mẹ, con: 1.500.000 đồng. - Đăng ký khai sinh: 75.000 đồng. (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)		Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
6.	1.001669	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	05 ngày đối với việc đăng ký giám hộ cử, 03 ngày đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên	UBND cấp huyện	75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người		Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Thông tư số

					khuyết tật)				04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018.
7.	2.000756	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	02 ngày	UBND cấp huyện	75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)		Một phần	Nộp hồ sơ	
8.	2.000748	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	- Trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch, nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. - 03 ngày đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc. kéo dài không quá 06 ngày.	UBND cấp huyện	28.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)		Một phần	Nộp hồ sơ	
9.	2.002189	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	12 ngày	UBND cấp huyện	75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật). Miễn lệ phí khi thực hiện thủ tục hành		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày

					chính qua dịch vụ công trực tuyến				14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; Nghị quyết số 13/2023/NQ- HĐND ngày 08/12/2023
10.	2.000554	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	12 ngày	UBND cấp huyện	75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật). Miễn lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
11.	2.000547	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	Ngày trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 3 ngày làm việc.	UBND cấp huyện	75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật). Miễn lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
12.	2.000522	Thủ tục đăng ký	05 ngày làm việc.	UBND	75.000 đồng		Một	Nộp hồ sơ	Luật Hộ tịch năm 2014;

		lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	cấp huyện	(Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)		phần		Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018.
13.	1.000893	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	UBND cấp huyện	75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)		Một phần	Nộp hồ sơ	
14.	2.000513	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	UBND cấp huyện	1.500.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)		Một phần	Nộp hồ sơ	Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC
15.	2.000497	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày.	UBND cấp huyện	75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ		Một phần	Nộp hồ sơ	

					nghèo; người khuyết tật)				ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018.
	2.002516	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch <i>(Thủ tục đã thống kê trong danh mục cấp tỉnh)</i>	03 ngày (Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc)	Phòng Tư pháp	8.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật). Miễn lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023
	2.000635	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch <i>(Thủ tục đã thống kê trong danh mục cấp tỉnh)</i>	Ngày trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Phòng Tư pháp	8.000 đồng		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số

									106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021.
Lĩnh vực Chứng thực (08 TTHC)									
16.	2.001008	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là công tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	Phòng Tư pháp	10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được hiểu là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản).	Trực tiếp	Không thực hiện DVC trực tuyến	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020; Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
17.	2.000992	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là công tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	Trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	Phòng Tư pháp	10.000 đồng/trường hợp	Trực tiếp	Không thực hiện DVC trực tuyến	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
18.	2.001044	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	02 ngày	Phòng Tư pháp	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	Trực tiếp	Không thực hiện DVC trực tuyến	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
19.	2.000913	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	Phòng Tư pháp	30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	Trực tiếp	Không thực hiện DVC trực tuyến	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
20.	2.000927	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	Phòng Tư pháp	25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	Trực tiếp	Không thực hiện DVC trực tuyến	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
21.	2.000942	Thủ tục cấp bản	Trong ngày tiếp	Phòng	2.000		Toàn	Nộp hồ sơ	

		sao từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	nhận	Tư pháp	đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản		trình	và trả kết quả	
22.	2.001050	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	02 ngày	Phòng Tư pháp	50.000 đồng/văn bản	Trực tiếp	Không thực hiện DVC trực tuyến	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
23.	2.001052	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	02 ngày	Phòng Tư pháp	50.000 đồng/văn bản	Trực tiếp	Không thực hiện DVC trực tuyến	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
	2.000908	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc <i>(Thủ tục đã thống kê trong danh mục cấp tỉnh)</i>	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	Các cơ quan quản lý sổ gốc tại cấp huyện và các cơ quan, đơn vị tương đương	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; Thông tư số 01/2020/TT – BTP ngày 03/03/2020.
	2.000815	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp,	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	Phòng Tư pháp	2.000 đồng/trang đối với trang thứ nhất, trang thứ hai; từ trang thứ ba trở lên thu	Trực tiếp	Không thực hiện DVC trực tuyến	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020; Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016; Thông tư số

		hoặc chứng nhận (Thủ tục đã thống kê trong danh mục cấp tỉnh)			1.000 đồng/trang nhưng mức thu tối đa không quá 200.000 đồng/bản. (Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính)				257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
	2.000843	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận (Thủ tục đã thống kê trong danh mục cấp tỉnh)	Ngày trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	Phòng Tư pháp	2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản.	Trực tiếp	Không thực hiện DVC trực tuyến	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
	2.000884	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực	Ngày trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	Phòng Tư pháp	10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được hiểu là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản).	Trực tiếp	Không thực hiện DVC trực tuyến	Nộp hồ sơ và trả kết quả	

		không thể ký, không thể điểm chỉ được) (Thủ tục đã thống kê trong danh mục cấp tỉnh)							
Lĩnh vực Nuôi con nuôi (01 TTHC)									
24.	2.002363	Ghi vào sổ đăng ký nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ (Trường hợp phải xác minh thì hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc)	Phòng Tư pháp	75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Hộ tịch 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/03/2011; Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/03/2019; Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019.
Lĩnh vực Hoà giải ở cơ sở (01 TTHC)									
25.	2.000424	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện kèm theo hồ sơ đề nghị hỗ trợ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, ra quyết định hỗ trợ;	UBND cấp huyện xem xét, quyết định việc hỗ trợ; UBND cấp xã tiếp nhận hồ sơ và thực hiện chi hỗ trợ.	Không quy định		Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013; Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014

			trường hợp không hỗ trợ thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.						
Lĩnh vực Bồi thường nhà nước (02 TTHC)									
26	2.002190	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp huyện)	49-94 ngày	Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	Không quy định	Trực tiếp	Không thực hiện DVC trực tuyến	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước năm 2017; Nghị định 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; Thông tư 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018.
27	1.005462	Phục hồi danh dự (cấp huyện)	15 ngày	Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	Không quy định	Trực tiếp	Không thực hiện DVC trực tuyến	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước năm 2017; Nghị định 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; Thông tư 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018.

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (33 TTHC)

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp			Căn cứ pháp lý
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
Lĩnh vực Hộ tịch (18 TTHC)									
1.	1.001193	Thủ tục đăng ký khai sinh	Ngay trong ngày, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	UBND cấp xã	Đăng ký khai sinh không đúng hạn: 8.000 đồng. (Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)		Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018.
2.	1.000894	Thủ tục đăng ký kết hôn	Ngay trong ngày, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	UBND cấp xã	Không quy định		Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
3.	1.001022	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì không quá 08 ngày làm việc.	UBND cấp xã	10.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)		Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	

4.	1.000689	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì không quá 08 ngày làm việc.	UBND cấp xã	10.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)		Một phần	Nộp hồ sơ	
5.	1.000593	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	05 ngày	UBND cấp xã	Không quy định	Trực tiếp	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
6.	1.000656	Thủ tục đăng ký khai tử	Ngay trong ngày, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	UBND cấp xã	8.000 đồng/lần (khai tử quá hạn). (Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)		Một phần	Nộp hồ sơ	Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018
7.	1.003583	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	05 ngày	UBND cấp xã	Đăng ký khai sinh quá hạn: 8.000 đồng (Miễn lệ phí với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)	Trực tiếp	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
8.	1.000419	Thủ tục đăng ký	05 ngày	UBND	Đăng ký khai tử	Trực	Một	Nộp hồ	

		khai tử lưu động		cấp xã	quá hạn: 8.000 đồng (Miễn lệ phí với người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)	tiếp	phần	sơ và trả kết quả	
9.	1.004837	Đăng ký giám hộ	03 ngày	UBND cấp xã	Không quy định		Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018.
10.	1.004845	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	02 ngày	UBND cấp xã	Không quy định		Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
11.	1.004859	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	- Trong ngày đổi với bổ sung hộ tịch. - 03 ngày làm việc đổi với yêu	UBND cấp xã	10.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng;		Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP

			cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc.		người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)				ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018.
12.	1.004873	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	03 ngày, trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày.	UBND cấp xã	5.000 đồng/lần. (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật). Miễn lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư

									số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023
13.	1.004884	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	UBND cấp xã	8.000 đồng/lần. (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)		Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018.
14.	1.004772	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	UBND cấp xã	8.000 đồng/lần. (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)		Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
15.	1.004746	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25	UBND cấp xã	30.000 đồng/lần. (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng;		Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;

			ngày.		người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)				Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 281/2016/TT- BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ- HĐND ngày 12/7/2018.
16.	1.005461	Thủ tục đăng ký lại khai tử	05 ngày làm việc; trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc.	UBND cấp xã	8.000 đồng/lần. (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)		Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ- CP ngày 21/12/2022; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 281/2016/TT- BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư

									số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018.
17.	2.001023	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	10 ngày	UBND cấp xã; BHXH cấp huyện	Không quy định		Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Luật Bảo hiểm y tế năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế năm 2014; Thông tư liên tịch số 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT ngày 15/5/2015; Quy chế phối hợp số 428/QCPH-STP-BHXH ngày 17/3/2020.
18.	2.000986	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	15 ngày làm việc	- UBND cấp xã; - BHXH cấp huyện; - Công an cấp huyện;	- Đăng ký khai sinh: Không; - Cấp thẻ bảo hiểm y tế: Không; - Đăng ký thường trú: 15.000 đồng.		Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Luật Bảo hiểm y tế năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế năm 2014; Luật Cư trú năm 2006; Luật sửa đổi bổ sung Luật Cư trú năm 2012; Thông tư liên tịch số 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT ngày

									15/5/2015; Quy chế phối hợp số 428/QCPH-STP-BHXXH ngày 17/3/2020.
	2.002516	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch <i>(Thủ tục đã thống kê trong danh mục cấp tỉnh)</i>	03 ngày. (Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc)	UBND cấp xã.	8.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật). Miễn lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023
	2.000635	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch <i>(Thủ tục đã thống kê trong danh mục cấp tỉnh)</i>	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	UBND cấp xã.	8.000 đồng		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số

									281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021.
Lĩnh vực Chứng thực (05 TTHC)									
	2.000815	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp, hoặc chứng nhận <i>(Thủ tục đã thống kê trong danh mục cấp tỉnh)</i>	Trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.	UBND cấp xã	2.000 đồng/trang đối với trang thứ nhất, trang thứ hai; từ trang thứ ba trở lên thu 1.000 đồng/trang nhưng mức thu tối đa không quá 200.000 đồng/bản.	Trực tiếp	Không thực hiện DVC trực tuyến	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
	2.000884	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được) <i>(Thủ tục đã thống kê trong danh mục cấp tỉnh, cấp</i>	Trong ngày hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	UBND cấp xã	10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được hiểu là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản).	Trực tiếp	Không thực hiện DVC trực tuyến	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020; Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016

		<i>huyện)</i>							
	2.000913	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch (<i>Thủ tục đã thống kê trong danh mục cấp huyện</i>)	Ngay trong ngày hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.	UBND cấp xã	30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.	Trực tiếp	Không thực hiện DVC trực tuyến	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
	2.000927	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch (<i>Thủ tục đã thống kê trong danh mục cấp huyện</i>)	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	UBND cấp xã	25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	Trực tiếp	Không thực hiện DVC trực tuyến	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
19.	2.001035	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	02 ngày	UBND cấp xã	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	Trực tiếp	Không thực hiện DVC trực tuyến	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
20.	2.001019	Thủ tục chứng thực di chúc	02 ngày	UBND cấp xã	50.000 đồng/di chúc	Trực tiếp	Không thực hiện DVC trực tuyến	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
21.	2.001016	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	02 ngày	UBND cấp xã	50.000 đồng/văn bản	Trực tiếp	Không thực hiện DVC trực tuyến	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
22.	2.001406	Thủ tục chứng	02 ngày	UBND	50.000 đồng/văn	Trực	Không	Nộp hồ	

		thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở		cấp xã	bản	tiếp	thực hiện DVC trực tuyến	sơ và trả kết quả	
23.	2.001009	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	02 ngày	UBND cấp xã	50.000 đồng/văn bản	Trực tiếp	Không thực hiện DVC trực tuyến	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
	2.000908	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc <i>(Thủ tục đã thống kê trong danh mục cấp tỉnh)</i>	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	Các cơ quan quản lý sổ gốc tại cấp xã và các cơ quan, đơn vị tương đương	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; Thông tư số 01/2020/TT - BTP ngày 03/03/2020.
	2.000942	Thủ tục cấp bản sao từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực <i>(Thủ tục đã thống kê trong danh mục cấp huyện)</i>	Trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	UBND cấp xã	2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020; Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
Lĩnh vực Nuôi con nuôi (03 TTHC)									
24.	2.001263	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	30 ngày	UBND cấp xã	400.000d/ trường hợp (Miễn lệ phí đối với trường hợp cha dưỡng hoặc mẹ kế nhận con		Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Nuôi con nuôi 2010; Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/03/2011; Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/03/2019; Nghị

					riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận các trẻ em sau đây làm con nuôi: Trẻ khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định; người có công với cách mạng)				định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8/7/2016; Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020; Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
25.	2.001255	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	05 ngày	UBND cấp xã	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Nuôi con nuôi 2010; Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011; Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8/7/2016; Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020; Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
26.	1.003005	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	30 ngày	UBND cấp xã	4.500.000 đồng/trường hợp		Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
Lĩnh vực Hoà giải ở cơ sở (04 TTHC)									
27.	1.002211	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)	Không quy định	UBND cấp xã	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013; Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014
28.	2.000950	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	Không quy định	UBND cấp xã	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
29.	2.000930	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	Không quy định	UBND cấp xã	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả	

		(cấp xã)						kết quả	
30.	2.002080	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	05 ngày	UBND cấp xã	Không quy định		Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
Lĩnh vực Phổ biến, giáo dục pháp luật (02 TTHC)									
31.	2.001457	Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật	05 ngày	UBND cấp xã	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013; Thông tư số 10/2016/TT- BTP ngày 22/7/2016.
32.	2.001449	Thủ tục cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	03 ngày	UBND cấp xã	Không quy định		Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	
Lĩnh vực Bồi thường nhà nước (01 TTHC)									
33.	2.002.165	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	49-94 ngày	Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	Không quy định	Trực tuyến	Không thực hiện DVC trực tuyến	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước năm 2017; Nghị định 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; Thông tư 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018.